

Biểu 03/KHCN-CP

Ban hành kèm theo Thông tư số
15/2018/TT-BKHCN ngày 15
tháng 11 năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02
năm sau

CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
năm.....)

- Đơn vị báo cáo:

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&CN quốc
gia

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Tổng số	Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Ngân sách nhà nước		Nguồn trong nước ngoài ngân sách nhà nước	Nguồn Nước ngoài
			Trung ương	Địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
Tổng chi <i>trong đó:</i>	01					
1. Chi đầu tư phát triển KH&CN	02					
2. Chi sự nghiệp KH&CN	03					
2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	04					
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	05					
<i>Trong đó:</i> - Cấp quốc gia	06					
- Cấp bộ	07					
- Cấp tỉnh	08					

- Cấp cơ sở	09					
2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	10					
3. Chi khác cho KH&CN	11					

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 03/KHCN-CP CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Khái niệm, phương pháp tính

Chi cho KH&CN là tổng các khoản chi đầu tư phát triển KH&CN, chi sự nghiệp KH&CN và chi khác cho KH&CN của đơn vị tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo.

Chi đầu tư phát triển KH&CN được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN.

Chi sự nghiệp KH&CN được quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN.

Nguồn cấp kinh phí chia thành 3 loại:

- Ngân sách nhà nước (bao gồm cả các nguồn có tính chất ngân sách nhà nước) được chia thành ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương:

+ Ngân sách Trung ương bao gồm kinh phí được cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ, ngành được quy định tại Khoản 15 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước;

+ Ngân sách địa phương là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại Khoản 13 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước.

- Nguồn trong nước ngoài ngân sách nhà nước;

- Nguồn từ nước ngoài.

2. Cách ghi biểu

Số liệu điền vào biểu là số liệu thực chi trong năm thống kê.

- Cột 1: Ghi tổng số theo loại (khoản) chi.

Cột 2-5 là số chi chia theo nguồn cấp kinh phí. Nguồn cấp kinh phí bao gồm: ngân sách nhà nước, ngoài ngân sách nhà nước và nước ngoài, cụ thể:

- Cột 2-3: Ghi số chi được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương (do Bộ, ngành bảo đảm chi);

+ Ngân sách địa phương (do địa phương bảo đảm chi).

- Cột 4: Ghi số chi được bảo đảm từ nguồn trong nước nhưng ngoài ngân sách nhà nước (Do đơn vị tự có hoặc do doanh nghiệp hoặc đơn vị khác cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng);

- Cột 5: Ghi số chi do nguồn nước ngoài cấp.

Các dòng là nội dung (khoản) chi.

Mục “Tổng chi”: Ghi tổng các khoản chi được chia theo nguồn cấp.

Mục “1. Chi đầu tư phát triển KH&CN”: Ghi kinh phí thực chi từ nguồn vốn đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật,...

Mục “2. Chi sự nghiệp KH&CN”: Ghi kinh phí thực chi từ nguồn vốn sự nghiệp KH&CN để thực hiện hoạt động KH&CN, cụ thể như sau:

Mục “2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng” bao gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương của những người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương (căn cứ theo số lượng người tham gia thực hiện trong mỗi nhiệm vụ; thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ).

Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN không vượt quá số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Các khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ thực hiện nhiệm vụ; các khoản chi hoạt động bộ máy của tổ chức KH&CN công lập để thực hiện nhiệm vụ (ví dụ như: chi mua nguyên liệu, vật liệu; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng; chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, kiểm định trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; chi hội nghị hội thảo chuyên môn, công tác phí,...): Thực hiện theo định mức kinh tế, kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước⁽¹⁾.

Mục “2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN” bao gồm các khoản chi trực tiếp cho nhiệm vụ KH&CN và chi cho hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ KH&CN các cấp: cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở.

Mục “2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác” bao gồm các khoản chi ngoài chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN (ví dụ: chi mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chi đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiên cứu về KH&CN ở trong nước và nước ngoài...).

Mục “3. Chi khác cho KH&CN”: Ghi kinh phí thực chi cho KH&CN ngoài các khoản chi đầu tư phát triển KH&CN và chi sự nghiệp KH&CN.

3. Nguồn số liệu

Hồ sơ quản lý của Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ KH&CN).

Số liệu thống kê do cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao được giao nhiệm vụ thống kê KH&CN; Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương tổng hợp.